

Số: 25 /QĐ-SDTTG

Khánh Hoà, ngày 26 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2025 Sở Dân tộc và Tôn giáo sau sắp xếp, tinh gọn

GIÁM ĐỐC SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 12/3/2025 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Khánh Hòa và Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh về cơ cấu tổ chức của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 1067/QĐ-UBND ngày 23/04/2025 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp, tinh gọn;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán NSNN năm 2025 của Sở Dân tộc và Tôn giáo sau sắp xếp, tinh gọn theo biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng; các Trưởng, phó phòng nghiệp vụ và công chức, lao động thuộc Sở Dân tộc và Tôn giáo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính (VBĐT);
- Kho Bạc NN Khu vực XIII (VBĐT);
- Như điều 3 (VBĐT);
- Lưu: VT, KT.

GIÁM ĐỐC

Võ Nam Thắng

PHỤ LỤC 01
DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
NĂM 2025

Đơn vị: Ban Dân tộc Khánh Hòa

Mã đơn vị quan hệ với ngân sách: 1037303

Chương 483 - Mã ngành kinh tế: 341

(Kèm theo Quyết định số 25/QĐ-SDTTG ngày 26/4/2025 của Sở Dân tộc và Tôn giáo)

đvt: đồng

Nội dung	Dự toán điều chỉnh giảm
Dự toán chi ngân sách nhà nước	
Tổng số chi	-6.902.668.515
Quản lý nhà nước	-6.902.668.515
1. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (N13)	-2.061.562.654
- Kinh phí tiền lương theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP	-1.303.023.710
- Kinh phí Hợp đồng lao động	-112.000.000
- Kinh phí hoạt động theo định mức	-646.538.944
2. Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (N13)	-676.557.150
- 10% tiết kiệm thực hiện CCTL	-67.000.000
- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	-271.038.490
- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	-338.518.660
3. Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (N12)	-1.527.312.000
- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	-21.000.000
- Kinh phí chi cho cán bộ điều động	-5.000.000
- Kinh phí tuyên truyền CTDT và CSĐT	-162.000.000
- Kinh phí triển khai các Chương trình phối hợp công tác dân tộc giữa Ban Dân tộc tỉnh với các Sở, ngành có liên quan theo chương trình công tác do Ủy ban Dân tộc triển khai	-270.000.000

Nội dung	Dự toán điều chỉnh giảm
- Kinh phí tham gia hội thao ngày truyền thống cơ quan công tác dân tộc	-126.000.000
- Sơ kết tổng kết chính sách dân tộc và chương trình công tác giữa UBND tỉnh với Ủy ban Dân tộc và hội nghị hội thảo trên địa bàn tỉnh	-18.000.000
- Kinh phí tuyên truyền về tỉnh Khánh Hòa trên Báo Dân tộc	-270.000.000
- Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	-655.312.000
5. Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Nguồn 12 – Chương 483 – Loại 280 – khoản 338)	-382.372.760
Dự án 3, tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN (mã số 00513)	-382.372.760
Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Nguồn 12 – Chương 483 – Loại 070 – khoản 085)	-769.842.283
Dự án 5, tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc (mã số 00515)	-592.000.000
Dự án 5, tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp (mã số 00515)	-177.842.283
Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Nguồn 12 – Chương 483 – Loại 280 – khoản 332)	-138.080.000
Dự án 5, tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp (mã số 00515)	-138.080.000
Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Nguồn 12 – Chương 483 – Loại 280– khoản 332)	-19.011.620
Dự án 9, tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế dân tộc còn nhiều khó khăn (mã số 00519)	-19.011.620
Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Nguồn 12 – Chương 483 – Loại 370– khoản 398)	-142.494.280
Dự án 9, tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN (mã số 00519)	-142.494.280

Nội dung	Dự toán điều chỉnh giảm
Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Nguồn 12 – Chương 483 – Loại 160 – khoản 171)	-848.456.398
Dự án 10, tiểu dự án 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào, truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN (mã số 00521)	- 848.456.398
Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Nguồn 12 – Chương 483 – Loại 280– khoản 332)	-78.650.940
Dự án 10, tiểu dự án 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào, truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN (mã số 00521)	-78.650.940
Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Nguồn 12 – Chương 483 – Loại 280 – khoản 332)	-102.328.430
Dự án 10, tiểu dự án 03: Kiểm tra, giám sát, việc tổ chức thực hiện chương trình (mã số 00521)	-102.328.430
4. Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (N18)	-156.000.000
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	-156.000.000

PHỤ LỤC 02

DỰ TOÁN BỔ SUNG CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Khánh Hòa

Mã đơn vị quan hệ với ngân sách: 1134473

Chương 483 - Mã ngành kinh tế: 341

(Kèm theo Quyết định số 25/QĐ-SDTTG ngày 26/4/2025 của Sở Dân tộc và Tôn giáo)

đvt: đồng

Nội dung	Dự toán còn được sử dụng
Dự toán chi ngân sách nhà nước	
Tổng số chi	11.009.156.815
Quản lý nhà nước	11.009.156.815
1. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (N13)	3.836.444.940
- Kinh phí tiền lương theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP	2.240.756.830
- Kinh phí Hợp đồng lao động	181.000.000
- Kinh phí hoạt động theo định mức	1.414.688.110
2. Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (N13)	1.311.633.530
- 10% tiết kiệm thực hiện CCTL	162.000.000
- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	467.995.758
- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	681.637.772
3. Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (N12)	3.142.841.634
- Kinh phí chi cho cán bộ điều động	5.000.000
- Kinh phí tuyên truyền CTDT và CSĐT	162.000.000
- Kinh phí triển khai các Chương trình phối hợp công tác dân tộc giữa Ban Dân tộc tỉnh với các Sở, ngành có liên quan theo chương trình công tác do Ủy ban Dân tộc triển khai	270.000.000
- Kinh phí tham gia hội thao ngày truyền thống cơ quan công tác dân tộc	126.000.000

Nội dung	Dự toán còn được sử dụng
- Sơ kết tổng kết chính sách dân tộc và chương trình công tác giữa UBND tỉnh với Ủy ban Dân tộc và hội nghị hội thảo trên địa bàn tỉnh	18.000.000
- Kinh phí tuyên truyền về tỉnh Khánh Hòa trên Báo Dân tộc	270.000.000
- Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	655.312.000
- Kinh phí Chính sách tôn giáo:	682.529.634
- Kinh phí hỗ trợ đặc thù ngành tôn giáo	70.000.000
- KP tuyên truyền phổ biến thủ tục hành chính lĩnh vực tôn giáo theo QĐ số 868/QĐ-BNV ngày 17/8/2015	270.000.000
- Khám sức khỏe cho các tăng sư ở Trường Sa	12.000.000
-ĐH nhiệm kỳ của các tôn giáo	49.000.000
- KP tuyên truyền quan điểm, đường lối của Đảng; phổ biến pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo theo QĐ số 306/QĐ- TTg ngày 08/3/2017 (triển khai luật tín ngưỡng, tôn giáo)	450.000.000
- Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho CBCC làm công tác tôn giáo theo KH số 2876/KH-UBND ngày 11/4/2017 vv triển khai thực hiện QĐ 174/QĐ-TTg (gđ 2017-2020)	40.000.000
- Kinh phí Đề án "Bồi dưỡng nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo giai đoạn 2022-2026"	63.000.000
5. Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Nguồn 12 – Chương 483 – Loại 280 – khoản 338)	382.372.760
Dự án 3, tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN - Ngân sách Tỉnh (mã số 20513)	116.000.000
Dự án 3, tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN – Ngân sách Trung ương (mã số 10513)	266.372.760

Nội dung	Dự toán còn được sử dụng
Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Nguồn 12 – Chương 483 – Loại 070 – khoản 085)	769.842.283
Dự án 5, tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc – Ngân sách tỉnh (mã số 20515)	105.000.000
Dự án 5, tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc – Ngân sách Trung ương (mã số 10515)	487.000.000
Dự án 5, tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp - Ngân sách tỉnh (mã số 20515)	157.000.000
Dự án 5, tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp – Ngân sách Trung ương (mã số 10515)	20.842.283
Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Nguồn 12 – Chương 483 – Loại 280 – khoản 332)	138.080.000
Dự án 5, tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp – Ngân sách Trung ương (mã số 10515)	138.080.000
Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Nguồn 12 – Chương 483 – Loại 280– khoản 332)	19.011.620
Dự án 9, tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế dân tộc còn nhiều khó khăn – Ngân sách Trung ương (mã số 10519)	19.011.620
Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Nguồn 12 – Chương 483 – Loại 370– khoản 398)	142.494.280
Dự án 9, tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN – Ngân sách tỉnh (mã số 20519)	55.005.280
Dự án 9, tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN – Ngân sách Trung ương (mã số 10519)	87.489.000
Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Nguồn 12 – Chương 483 – Loại 160 – khoản 171)	848.456.398

Nội dung	Dự toán còn được sử dụng
Dự án 10, tiểu dự án 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào, truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN – Ngân sách tỉnh (mã số 20521)	237.000.000
Dự án 10, tiểu dự án 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào, truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN – Ngân sách Trung ương(mã số 10521)	611.456.398
Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Nguồn 12 – Chương 483 – Loại 280– khoản 332)	78.650.940
Dự án 10, tiểu dự án 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào, truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN – Ngân sách Trung ương (mã số 10521)	78.650.940
Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Nguồn 12 – Chương 483 – Loại 280 – khoản 332)	102.328.430
Dự án 10, tiểu dự án 03: Kiểm tra, giám sát, việc tổ chức thực hiện chương trình – Ngân sách Tỉnh (mã số 20521)	14.500.000
Dự án 10, tiểu dự án 03: Kiểm tra, giám sát, việc tổ chức thực hiện chương trình – Ngân sách Trung ương(mã số 10521)	87.828.430
4. Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (N18)	237.000.000
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	237.000.000

PHỤ LỤC 03

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Khánh Hòa

Mã đơn vị quan hệ với ngân sách: 1134473

Chương 483 - Mã ngành kinh tế: 341

(Kèm theo Quyết định số 25/QĐ-SDTTG ngày 26/4/2025 của Sở Dân tộc và Tôn giáo)

đvt: đồng

Nội dung	Dự toán còn được sử dụng
Dự toán chi ngân sách nhà nước	
Tổng số chi	12.256.527.842
Quản lý nhà nước	12.256.527.842
1. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (N13)	4.423.274.881
- Kinh phí tiền lương theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP	2.640.040.250
- Kinh phí Hợp đồng lao động	215.000.000
- Kinh phí hoạt động theo định mức	1.568.234.631
2. Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (N13)	1.535.016.250
- 10% tiết kiệm thực hiện CCTL	162.000.000
- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	549.464.750
- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	823.551.500
3. Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (N12)	3.580.000.000
- Kinh phí chi cho cán bộ điều động	5.000.000
- Kinh phí tuyên truyền CTDT và CSĐT	162.000.000
- Kinh phí triển khai các Chương trình phối hợp công tác dân tộc giữa Ban Dân tộc tỉnh với các Sở, ngành có liên quan theo chương trình công tác do Ủy ban Dân tộc triển khai	270.000.000
- Kinh phí tham gia hội thảo ngày truyền thống cơ quan công tác dân tộc	126.000.000

Nội dung	Dự toán còn được sử dụng
- Sơ kết tổng kết chính sách dân tộc và chương trình công tác giữa UBND tỉnh với Ủy ban Dân tộc và hội nghị hội thảo trên địa bàn tỉnh	18.000.000
- Kinh phí tuyên truyền về tỉnh Khánh Hòa trên Báo Dân tộc	270.000.000
- Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	769.000.000
- Kinh phí Chính sách tôn giáo:	990.000.000
- Kinh phí hỗ trợ đặc thù ngành tôn giáo	86.000.000
- KP tuyên truyền phổ biến thủ tục hành chính lĩnh vực tôn giáo theo QĐ số 868/QĐ-BNV ngày 17/8/2015	270.000.000
- Khám sức khỏe cho các tăng sư ở Trường Sa	12.000.000
-ĐH nhiệm kỳ của các tôn giáo	49.000.000
- KP tuyên truyền quan điểm, đường lối của Đảng; phổ biến pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo theo QĐ số 306/QĐ- TTg ngày 08/3/2017 (triển khai luật tín ngưỡng, tôn giáo)	450.000.000
- Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho CBCC làm công tác tôn giáo theo KH số 2876/KH-UBND ngày 11/4/2017 vv triển khai thực hiện QĐ 174/QĐ-TTg (gđ 2017-2020)	40.000.000
- Kinh phí Đề án "Bồi dưỡng nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo giai đoạn 2022-2026"	63.000.000
5. Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Nguồn 12 – Chương 483 – Loại 280 – khoản 338)	382.372.760
Dự án 3, tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN - Ngân sách Tỉnh (mã số 20513)	116.000.000
Dự án 3, tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN – Ngân sách Trung ương (mã số 10513)	266.372.760

Nội dung	Dự toán còn được sử dụng
Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Nguồn 12 – Chương 483 – Loại 070 – khoản 085)	769.842.283
Dự án 5, tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc – Ngân sách tỉnh (mã số 20515)	105.000.000
Dự án 5, tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc – Ngân sách Trung ương (mã số 10515)	487.000.000
Dự án 5, tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp - Ngân sách tỉnh (mã số 20515)	157.000.000
Dự án 5, tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp – Ngân sách Trung ương (mã số 10515)	20.842.283
Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Nguồn 12 – Chương 483 – Loại 280 – khoản 332)	138.080.000
Dự án 5, tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp – Ngân sách Trung ương (mã số 10515)	138.080.000
Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Nguồn 12 – Chương 483 – Loại 280– khoản 332)	19.011.620
Dự án 9, tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế dân tộc còn nhiều khó khăn – Ngân sách Trung ương (mã số 10519)	19.011.620
Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Nguồn 12 – Chương 483 – Loại 370– khoản 398)	142.494.280
Dự án 9, tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN – Ngân sách tỉnh (mã số 20519)	55.005.280
Dự án 9, tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN – Ngân sách Trung ương (mã số 10519)	87.489.000
Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Nguồn 12 – Chương 483 – Loại 160 – khoản 171)	848.456.398

Nội dung	Dự toán còn được sử dụng
Dự án 10, tiểu dự án 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào, truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN – Ngân sách tỉnh (mã số 20521)	237.000.000
Dự án 10, tiểu dự án 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào, truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN – Ngân sách Trung ương(mã số 10521)	611.456.398
Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Nguồn 12 – Chương 483 – Loại 280– khoản 332)	78.650.940
Dự án 10, tiểu dự án 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào, truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN – Ngân sách Trung ương (mã số 10521)	78.650.940
Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Nguồn 12 – Chương 483 – Loại 280 – khoản 332)	102.328.430
Dự án 10, tiểu dự án 03: Kiểm tra, giám sát, việc tổ chức thực hiện chương trình – Ngân sách Tỉnh (mã số 20521)	14.500.000
Dự án 10, tiểu dự án 03: Kiểm tra, giám sát, việc tổ chức thực hiện chương trình – Ngân sách Trung ương(mã số 10521)	87.828.430
4. Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (N18)	237.000.000
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	237.000.000